

Số: 354/QĐ-THCS.HVN

Gò Vấp, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, kiểm duyệt học liệu số và vận hành, sử dụng Hệ thống quản lý học liệu số dùng chung của trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUỖNH VĂN NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 5088/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc thành lập trường THCS Huỳnh Văn Nghệ;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thực hiện Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Về ban hành Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ theo tình hình thực tế của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế xây dựng, kiểm duyệt học liệu số và vận hành, sử dụng Hệ thống quản lý học liệu số dùng chung của trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ từ năm 2024.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay đổi bổ sung khi không phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị hoặc có văn bản hướng dẫn mới của cấp trên.

Điều 3. Cán bộ, Viên chức, người lao động trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, HsCNTT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Quang Minh

QUY CHẾ

**Xây dựng, kiểm duyệt học liệu số và vận hành,
sử dụng Hệ thống quản lý học liệu số dùng chung của trường Trung học cơ sở
Huỳnh Văn Nghệ từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-THCS.HVN ngày 17/10/2024 của Hiệu trưởng
Trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định quản lý xây dựng, kiểm duyệt học liệu số và vận hành, sử dụng Hệ thống quản lý học liệu số dùng chung của trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ.

Quy chế này áp dụng đối trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ, viên chức và người lao động (gọi tắt là cá nhân) thuộc các cơ quan, đơn vị này khi quản lý xây dựng, kiểm duyệt học liệu số và vận hành, sử dụng Hệ thống quản lý học liệu số dùng chung của trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Học tập điện tử (E-Learning) là hình thức học tập mà người học có thể tự học mọi lúc, mọi nơi thông qua các học liệu điện tử đa phương tiện (bài giảng, lời thuyết minh. âm thanh, hình ảnh, video, audio, đồ họa...). Các hình thức học tập như M- Learning (học thông qua thiết bị di động: điện thoại thông minh máy tính bảng, màn hình tương tác....), U-Learning (học thông qua các phương thức tương tác thực tế ảo), hay S-Learning (phương tiện học tập thông minh) đều là các hình thái của học tập điện tử E-Learning.

2. Học liệu điện tử (Course-ware) là các tài liệu học tập được số hóa theo cấu trúc, định dạng. kịch bản nhất định: nội dung đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: cho phép người học truy cập, tra cứu trong phạm vi do giảng viên, đơn vị đào tạo quy định. Học liệu điện tử bao gồm: học liệu chính và học liệu bổ trợ, được sản xuất dưới dạng học liệu văn bản (text) và học liệu đa phương tiện.

a) Học liệu văn bản là học liệu gồm các tệp tin bản mềm; văn bản, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, sách giáo khoa, sách chuyên khảo, tạp chí khoa học...;

b) Học liệu đa phương tiện gồm những loại sau đây:

- Các tệp tin video, audio. đồ họa (infographic), hoạt hình (animation).

- Các định dạng tích hợp một hoặc nhiều định dạng video, audio, văn bản, hình ảnh, đồ họa tương tác theo một kịch bản sư phạm nhất định. Các học liệu đa

phương tiện tương tác được hiểu theo nghĩa người sử dụng có thể tác động trực tiếp để thay đổi kịch bản trình diễn ngay trong quá trình tương tác.

3. Bài giảng điện tử là một tập hợp các học liệu điện tử được tổ chức lại theo một kết cấu để có thể cung cấp kiến thức và kỹ năng cho người học một cách hiệu quả thông qua sự trợ giúp của các phần mềm quản lý học tập (Learning Management System-LMS) hoặc hệ thống cung cấp học liệu mở (Massive Open Online Courses- MOOC).

4. Bài giảng điện tử bao gồm hệ thống bài giảng trong chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.

5. Giáo trình điện tử là giáo trình được nhà trường biên soạn, lựa chọn, thẩm định, được số hóa, đăng tải lên thư viện số của nhà trường, sử dụng làm tài liệu dạy và học.

6. Khoá học điện tử (e-Course) là một hoặc nhiều bài giảng điện tử cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học.

7. Chuẩn SCORM (Sharable Content Object Reference Model) là một tập hợp các tiêu chuẩn và các mô tả yêu cầu kỹ thuật của bài giảng điện tử tương tác qua web được quy định bởi tổ chức Advanced Distributed Learning-Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ.

8. Câu hỏi điều kiện là hệ thống câu hỏi trắc nghiệm để người học phải trả lời trước khi sử dụng modul bài giảng tiếp theo. Gồm có: trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm đúng/sai, trắc nghiệm điền khuyết.

9. Bài kiểm tra trực tuyến là một tập hợp các câu hỏi trắc nghiệm được soạn thảo để kiểm tra đo lường, đánh giá kiến thức của người học. Khi thực hiện xong, hệ thống sẽ phản hồi kết quả tổng thể và có thể thông báo đáp án từng câu hỏi hoặc không thông báo tùy theo thiết lập của người tổ chức. Người học buộc phải nghiên cứu kỹ lưỡng bài giảng để cải thiện kết quả trong những lần kiểm tra sau đó.

10. Bài thi kết thúc học kỳ: là một tập hợp các câu hỏi trắc nghiệm/tự luận kết hợp tự luận, trắc nghiệm để kiểm tra đo lường, đánh giá kiến thức của người học khi hoàn thành một học phần. Được tổ chức cho người học làm bài thi trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định hiện hành của Trường Trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ.

11. Thí nghiệm ảo hoặc thí nghiệm mô phỏng là thí nghiệm được mô phỏng trên máy tính. Người làm thí nghiệm có thể quan sát, tính toán thử nghiệm. Mỗi thí nghiệm ảo hoặc mô phỏng có thể là một hoặc một số phần mềm ứng dụng, người làm thí nghiệm tương tác với phần mềm qua việc nhập số liệu cho thí nghiệm và chọn lựa các phương án do máy tính gợi ý.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BÀI GIẢNG, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

1. Đối với học liệu điện tử

1.1. Đối với học liệu văn bản (text): Hướng dẫn môn học khoảng 10-15 trang A4- hoặc quy đổi tương đương. (quy đổi tương ứng 50 phút tự học). Là nội dung của bài giảng được viết theo giáo trình sau khi đã chia bài theo yêu cầu.

Yêu cầu chung:

Trang được tính theo khổ A4, cỡ chữ 14, font Times New Roman. sử dụng bộ gõ tiếng Việt TCVN 6909 (Unicode), giãn cách dòng 1.5 line, lề trái 2.5 cm, lề phải 1.5 cm, lề trên 2cm. lề dưới 2cm.

1.2. Đối với học liệu đa phương tiện (bao gồm cả Video, Audio. Slide, Câu hỏi trắc nghiệm của bài học có đánh giá tự động. Danh mục tài liệu tham khảo, Ghi chú cho các slide): Số lượng từ 20 đến 35 slide, thời lượng khoảng 50 phút. Sản phẩm phải được xuất bản theo chuẩn SCORM.

Yêu cầu chung:

Mỗi bài giảng phải có từ 3 đến 5 phút Video để giới thiệu bài giảng, mục tiêu của bài, các nhiệm vụ học tập, nghiên cứu mà người học cần thực hiện để học tốt bài học.

+ Trong phần người trình bày (Presenter) của bài giảng có thể chỉ là 01 bức ảnh của Giáo viên, tuy nhiên khuyến khích sử dụng Video để tăng tính sinh động, tránh gây nhàm chán cho học viên.

+ Yêu cầu mỗi bài giảng phải có từ 5- 10 câu hỏi trắc nghiệm. Số câu hỏi về sau có thể được bổ sung thêm.

+ Slide sử dụng một định dạng (template) thống nhất cho tất cả các bài giảng, để đảm bảo các học liệu thể hiện trên mạng là giống nhau về hình thức.

SLIDE 1: Tên của bài;

SLIDE 2: Giới thiệu mục tiêu của bài học; Kiến thức cần có để học tốt bài học này (nếu cần thiết);

SLIDE 3: Giới thiệu các tài liệu tham khảo cần thiết;

SLIDE 4: Giới thiệu những nội dung chính của bài;

SLIDE 5: Đi vào nội dung của bài học.

Mỗi slide chỉ nêu những ý chính hoặc sơ đồ hóa những nội dung trong slide để người học thấy ngay được cấu trúc logic của những nội dung sẽ được trình bày. Từ đó giáo viên sẽ giảng bài để người học hiểu và tiếp thu được kiến thức.

(Các SLIDE tiếp theo)

SLIDE cuối cùng (Tóm lược cuối bài): Tóm lược ngắn gọn nêu được nội dung chính của toàn bài. Thông qua tóm lược này học viên có thể hệ thống hóa lại toàn bộ kiến thức đã đề cập trong bài học.

Tỷ lệ kích thước slide 16:9. Sử dụng font chữ không chân như Arial, Helvetica, Time New Roman... cỡ chữ tối thiểu tương đương chữ Arial cỡ 18. Độ tương phản màu nền. mẫu chữ. hình ảnh phù hợp.

Tài liệu/ hình ảnh và các tài nguyên tham khảo trên từng slide bài giảng cần được ghi trích dẫn nguồn đầy đủ.

2. Đối với video bài giảng

2.1. Bài giảng điện tử gồm nhiều video được sắp xếp theo nội dung, kịch bản giảng dạy. Các video bài giảng phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cơ bản sau đây:

- Hình ảnh HD720p hoặc Full HD 1080p theo tỷ lệ khung hình (slide)16:9, đảm bảo nhìn hình rõ nét và không loại

- Âm thanh định dạng Mp3 chất lượng 128 Kbp hoặc 320 Kbps, đảm bảo nghe rõ và không bị nhiễu tiếng. Không sử dụng lại âm thanh trong phần Slide mà phải thu âm lại. Nhạc nền vừa/ nhỏ để người học không mất tập trung.

2.2. Thời lượng video bài giảng:

Quy chuẩn thời lượng bài giảng (tính theo số phút truyền phát) theo nguyên tắc: thời lượng mỗi bài giảng không quá 15 phút (khuyến nghị trong khoảng từ 10-15 phút);

- Tùy thuộc nội dung giảng dạy 1 giờ học trực tiếp trên lớp. có thể thiết kế để xây dựng từ 1-3 video. Mỗi video gắn với một chủ đề kiến thức để người học dễ theo dõi và tiếp thu, khuyến nghị lồng ghép giữa các video là các câu hỏi trắc nghiệm ngắn hoặc các câu hỏi kiểm tra kiến thức một cách phù hợp.

2.3. Các yêu cầu về hình ảnh của giáo viên và lời thoại:

- Lời thoại phải rõ ràng, tự nhiên và có nội dung gắn kết với nội dung bài giảng.

- Lời thoại bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh tùy theo yêu cầu của mỗi khóa.

3. Đối với các bài tập/thực hành, thí nghiệm

Bài tập tự luận, bài tập tình huống, yêu cầu thực hành: cần có hướng dẫn để học viên tự hoàn thành. Số lượng tối thiểu là 3 bài tập cho mỗi tín chỉ và được quy đổi thành 100 phút tự học.

4. Đối với câu hỏi điều kiện/bài kiểm tra học phần/bài thi kết thúc học phần. Các câu hỏi phù hợp với các cấp độ năng lực của người học từ thấp đến cao phù hợp với yêu cầu cần đạt được của mỗi bài, mỗi phần hoặc chuẩn đầu ra của môn học và có tính phân loại trình độ, kết quả học tập của người học. Cụ thể:

4.1. Câu hỏi điều kiện được thiết kế xen kẽ trong quá trình học tập để giúp người học tổng kết kiến thức, đánh giá được khả năng tiếp nhận thông tin/ kiến thức của người học sau những khoảng thời gian nội dung truyền tải phù hợp. Câu hỏi tương tác có thể là trắc nghiệm nhiều phương án trả lời, câu hỏi đúng-sai, câu hỏi tình huống và gợi mở trả lời. Số lượng câu hỏi tương tác cần phù hợp yêu cầu cụ thể đối với từng bài học. Đảm bảo số lượng câu hỏi cho 1 chương kiến thức tối thiểu 20 câu.

Dạng câu hỏi phụ thuộc vào yêu cầu chương, mục của môn học. Các câu hỏi phải có phần gợi ý trả lời để người học có thể tự học, tự làm.

4.2. Bài kiểm tra học phần/bài thi kết thúc học phần được thiết kế phù hợp với nội dung môn học. Lựa chọn hình thức kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/trắc nghiệm và tự luận, đảm bảo yêu cầu.

Bài kiểm tra học phần: có nội dung kiến thức đã học của học phần, số câu hỏi đối với hình thức trắc nghiệm tối thiểu là 20 câu; các hình thức khác do giáo viên cân đối đảm bảo tổng điểm bài kiểm tra là 10 điểm.

5. Cấu trúc và kế hoạch (kịch bản)

5.1. Cấu trúc một bài giảng điện tử

a) Thông tin chung về môn học

Những thông tin cơ bản về môn học , gồm: (1) Tên bài; (2) Người xây dựng; (3) Mục tiêu; (4) Nội dung tóm tắt; (5) Điều kiện tiên quyết; (6) Đánh giá; (9) Nội dung chính của bài giảng; (10) Hoạt động học tập.

b) Tài liệu hướng dẫn học tập, gồm:

- Giới thiệu, cách thức di chuyển qua từng nội dung học tập;
- Hướng dẫn cụ thể một số hoạt động học tập;
- Thông tin về kế hoạch học tập.

c) Nội dung môn học

Đây là nội dung chính của bài giảng, thường được thể hiện dưới dạng cây thư mục từng nội dung kiến thức theo từng đề mục kèm theo câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm: bài tự kiểm tra (self-test); bài tập, hướng dẫn tự học (nếu có).

d) Tài liệu tham khảo

- Danh mục tài liệu tham khảo
- Đường đến link tài liệu tham khảo.

5.2. Kế hoạch (kịch bản) của một bài giảng điện tử

Chia bài giảng thành từng phần nội dung (module – tiết học) với các nhiệm vụ tương ứng của hoạt động giảng dạy và học tập. Trong đó thể hiện rõ:

a) Tên chương bài (số hiệu trang, tài liệu cần tham khảo) .

b) Chủ đề, đề mục của bài học.

c) Số thứ tự trang màn hình trong bài được thể hiện trong bảng gồm:

- Thứ tự;
- Nội dung hình ảnh;
- Lời giảng;
- Thời gian dự tin;

- Hiệu ứng hình ảnh;
- Mô tả màn hình.

CHƯƠNG III

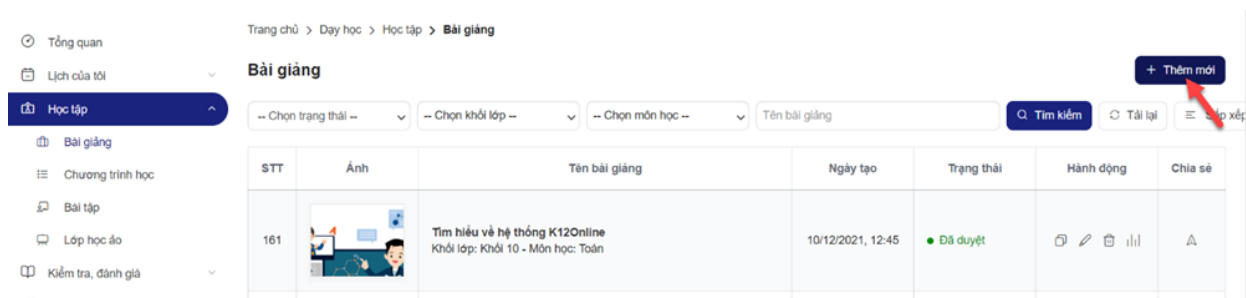
QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BÀI GIẢNG, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ

Quy trình xây dựng và kiểm duyệt kho học liệu cấp trường

Dưới đây là quy trình xây dựng và kiểm duyệt kho học liệu cấp trường.



Bước 1: Giáo viên vào Học tập => Chọn Bài giảng => Chọn Thêm mới để tiến hành xây dựng bài giảng.



Bước 2: Sau khi đã hoàn thành xây dựng xong nội dung học liệu. Giáo viên gửi yêu cầu kiểm duyệt bằng cách click vào biểu tượng Xuất bản ở cột Hành động.

Bước 3: Nhà trường hoặc Tổ chuyên môn vào duyệt bài giảng của giáo viên tại menu Kiểm duyệt nội dung => Chọn Bài giảng => Xem và duyệt bài giảng.

Trang chủ > Quản lý > Kiểm duyệt nội dung > Bài giảng

Bài giảng

Bộ lọc -- Chọn khối lớp -- -- Chọn môn học -- Tên bài giảng

STT	Ảnh	Tên bài giảng	Người tạo	Trạng thái	Người duyệt	Thao tác
81		Bài Giảng Khối 8 - Môn học: Toán Chủ đề:	Nguyễn Hoài Sơn 17/08/2023, 08:01	Đang biên tập	-	Duyệt bài giảng
		Bài Giảng	Nguyễn Hoài Sơn			

Bước 4: Khi bài giảng đã được duyệt rồi, giáo viên chia sẻ lên kho học liệu chung của trường để trường kiểm duyệt.

Vào Học tập => Chọn Bài giảng => Chọn bài giảng muốn chia sẻ lên kho học liệu cấp trường => Tại cột Chia sẻ của bài giảng đó, giáo viên nhấn nút Chia sẻ và lựa chọn các thông tin theo hướng dẫn để thực hiện.

Lưu ý: Khi chia sẻ, giáo viên cần chọn danh mục chia sẻ, nếu trường chưa có danh mục thì báo cho quản trị của trường đó tạo trên K12Online. (Nhà trường vào menu Quản lý khai báo => Chọn Kho học liệu => Chọn Danh mục kho học liệu để thực hiện khai báo danh mục cho kho học liệu của trường).

Bước 5: Trường vào kiểm duyệt nội dung của kho học liệu cấp trường.

Vào Kho học liệu => Chọn Quản lý nội dung => Chọn bài giảng cần kiểm duyệt.

Tại cột Trạng thái => Chọn Duyệt để duyệt nội dung bài giảng.

CHƯƠNG IV

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ

1. Về nội dung bài giảng

- Trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất, năng lực của học sinh;
- Thể hiện rõ nội dung trọng tâm, liên hệ thực tế, đảm bảo tính giáo dục;
- Nội dung dạy học đảm bảo chính xác, hệ thống; đáp ứng mục tiêu dạy học phù hợp với đề cương môn học/ chương trình môn học đã được phê duyệt;
- Không chứa các nội dung trái với quan điểm, đường lối, chính sách, của Đảng và pháp luật của Nhà nước;
- Tư liệu sử dụng phải rõ ràng, có trích dẫn nguồn tài liệu.

2. Về tính sư phạm và phương pháp truyền đạt

- Thể hiện được đầy đủ các giai đoạn của quá trình dạy học: đặt vấn đề, hình thành tri thức mới, luyện tập, tổng kết, hệ thống hóa tri thức, kiểm tra - đánh giá;
- Phù hợp với người học, hấp dẫn, lôi cuốn, dễ hiểu, dễ tiếp nhận;
- Tạo tình huống học tập, định hướng, nêu và giải quyết vấn đề, đảm bảo cho người học có thể đào sâu, khai thác kiến thức và giải quyết vấn đề.

3. Về công nghệ và kỹ thuật

a) Đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật như tính hợp lý, ổn định, dễ sử dụng, khả năng tương thích cao với các loại thiết bị công nghệ khác nhau:

b) Các nội dung số hóa tuân theo quy định và đóng gói theo chuẩn SCORM đảm bảo chạy tốt trên các hệ quản lý học tập (LMS) và Internet:

c) Hình ảnh, âm thanh phải sắc nét, kết hợp tốt giữa các yếu tố như âm thanh, hình ảnh, hiệu ứng, nghe nhìn, thao tác, tương tác.

4. Về việc chuẩn bị tư liệu

a) Bài giảng text (dạng văn bản) cần nêu rõ: thời lượng học phần (số tín chỉ); mục tiêu cần đạt: điều kiện tiên quyết.

Bài giảng text được quy định ở một trong 4 định dạng sau: Word của Microsoft, Pdf, Text, Write của Open Office.

Trang được tính theo khổ A4, cỡ chữ 14, font Times New Roman, sử dụng bộ gõ tiếng Việt TCVN 6909 (Unicode). giãn cách dòng 1.5 line, lề trái 2.5 cm, lề phải 1.5cm, lề trên 2cm, lề dưới 2cm.

b) Giáo trình và các tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

c) Các tư liệu và cơ sở dữ liệu sử dụng để xây dựng bài giảng điện tử gồm: hiện vật, mẫu vật: tư liệu giấy, ảnh (tranh, ảnh, hình vẽ, bản đồ, biểu đồ, phim ảnh,...); tư liệu số (các trang web, các đĩa CD, các băng video, các tư liệu được tải từ mạng internet, các bài giảng điện tử liên quan đã có....).

d) Hệ thống bài tập, câu hỏi, bài thi trắc nghiệm và đáp án hoặc hướng dẫn trả lời: Câu hỏi trắc nghiệm là những câu độc lập có thể phản hồi trực tiếp hoặc cũng có thể trong nhóm câu của bài kiểm tra. Mô tả những nội dung cơ bản của bài giảng.

đ) Kịch bản và lời bình khi lồng ghép các tư liệu: xây dựng kịch bản chi tiết, trong đó nêu rõ: mở bài (giới thiệu giảng viên/ địa chỉ liên hệ thông tin cần thiết); các mô đun chính: các trường cảnh và liên kết cần thiết; các kết luận chủ yếu.

Kịch bản và lời bình cho mỗi mô đun bài giảng là văn bản mô tả việc trình diễn các tư liệu theo trình tự, hình thức xác định, hiệu ứng màu sắc, âm thanh và các yếu tố khác. Kịch bản cần mô tả chi tiết các lời thuyết minh, nội dung hiển thị trên màn hình. hình thức thể hiện mong muốn,...

e) Tập bản cứng (Hard copy) các Power Point để trình bày bài giảng: nêu rõ tổng số Power Point cần xây dựng. trong đó có bao nhiêu slide hình ảnh/ text/ biểu bảng. Slide có thể làm trên Power Point hoặc Impress (một phần mềm của bộ phần mềm mã nguồn mở Open Office có tính năng tương tự như Power Point).

5. Hướng dẫn sử dụng

Hướng dẫn chi tiết về cách học theo bài giảng, hướng dẫn về phần đọc thêm, về cách tìm kiếm thêm thông tin tư liệu liên quan, tự trắc nghiệm kiểm tra kiến thức, làm bài tập, tham dự các bài kiểm tra-đánh giá mà chương trình đào tạo quy định, tham gia - các diễn đàn trao đổi, lớp học ảo, trao đổi trực tuyến (nếu có).

6. Khâu hoàn thiện bài giảng

Sử dụng các nguồn tư liệu để xây dựng, hoàn thiện và đóng gói bài giảng theo chuẩn SCORM.

7. Mức độ bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử số hóa các nội dung và hoạt động dạy học thông qua môi trường multimedia (môi trường đa phương tiện) dưới sự trợ giúp của công nghệ thông tin. Thông tin được truyền dưới các dạng: văn bản, đồ họa, hoạt ảnh, ảnh chụp, âm thanh, video, thí nghiệm ảo, hình ảnh 3D, thực tại ảo (virtual reality), thực tại tăng cường (augmented reality).... Các mức độ của bài giảng điện tử như sau:

(1) Mức 1 (Cấp độ S-Substitution): bài giảng được xây dựng dưới dạng trình bày, trình diễn hình ảnh kết hợp âm thanh (slide điện tử, hoạt ảnh, file âm thanh, video clip....) để trình bày, minh họa, thể hiện nội dung dạy học nhằm thay thế, hỗ trợ cho hoạt động thuyết giảng trong dạy học.

(2) Mức 2 (Cấp độ A-Augmentation): bài giảng được xây dựng dưới dạng bổ sung thông tin trong hình ảnh, mô tả, mô phỏng... có thể tương tác với các đối tượng trên màn hình như các thí nghiệm ảo, các phần mềm kiểm tra, hỗ trợ các hoạt động nêu trên và thu hút, kích thích tính tích cực, tự lực của người học trong giải quyết vấn đề và khám phá tri thức.

(3) Mức 3 (Cấp độ M-Modification): bài giảng được xây dựng dưới dạng một tập hợp các học liệu điện tử (video, hình ảnh động và âm thanh kết hợp với trình diễn slide với các học liệu đa phương tiện....) được kết cấu sư phạm để người học có thể tự học thông qua lựa chọn các nội dung học tập, luyện tập, vận dụng, tự kiểm tra-đánh giá.

(4) Mức 4 (Cấp độ R-Redefinition): bài giảng được xây dựng dưới dạng môi trường ảo, hình ảnh 3D, video 360°, mô phỏng tương tác ảo, thực tại ảo, thực tại tăng cường, thực tại hỗn hợp giúp tạo ra các hoạt động dạy học mới với chức năng mới.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ phận Công nghệ thông tin.

a) Chủ trì, tham mưu cho Hiệu trưởng hướng dẫn, tổ chức xây dựng, cập nhật, bổ sung, quản lý bài giảng, học liệu điện tử.

b) Lưu trữ, tổ chức khai thác bài giảng, học liệu điện tử theo quy định.

c) Tổ chức tập huấn cho giáo viên và người học để cập nhật những quy định, công nghệ mới; đề xuất đề cải tiến để nâng cấp hệ thống đáp ứng nhu cầu quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến.

d) Quản lý bài giảng điện tử được tích hợp trên Website của nhà trường (nếu có).

2. Các Tổ chuyên môn.

a) Khuyến khích giáo viên xây dựng bài giảng điện tử; tổ chức nghiệm thu nội dung bài giảng điện tử

c) Hướng dẫn người học sử dụng các phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin để học tập, nghiên cứu.

3. Giáo viên

a) Xây dựng bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

b) Được bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng bài giảng điện tử.

d) Chịu trách nhiệm về nội dung bài giảng, các chủ đề thảo luận và tài liệu hướng dẫn học tập (nếu có).

đ) Phản hồi kịp thời những thắc mắc của người học; hỗ trợ người học giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình học tập và đảm bảo tiến độ học tập của người học.

e) Xây dựng bài giảng điện tử phải đảm bảo quy định về bản quyền và yêu cầu của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

4. Bản quyền tài liệu điện tử

a) Bản quyền tài liệu điện tử thuộc về Trường trung học cơ sở Huỳnh Văn Nghệ. Hiệu trưởng giao cho bộ phận Công nghệ thông tin quản lý và sử dụng để phục vụ công tác giảng dạy E- learning theo phân công của nhà trường. Sở hữu trí tuệ về nội dung bài giảng tuân theo Luật sở hữu trí tuệ hiện hành.

b) Nghiêm cấm các đối tượng có hành vi lưu trữ, sao chép, cắt ghép làm thay đổi nội dung bài giảng điện tử, ghi hình và chỉnh sửa bài giảng trực tiếp, phát tán bài giảng dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của giáo viên,. Tùy theo mức độ, các vi phạm sẽ bị Quản trị hệ thống nhắc nhở, tước quyền đăng bài, tước quyền truy cập hệ thống, cảnh cáo trên toàn hệ thống hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử lý hình sự theo quy định.

5. Chế độ thông tin báo cáo

Bộ phận Công nghệ thông tin là đơn vị quản lý, sử dụng tài liệu điện tử chịu trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng. Định kỳ từ ngày 15/12 đến ngày 31/12 hàng năm về việc tổng hợp, xây dựng, nghiệm thu và khai thác, sử dụng tài liệu điện tử.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh, vướng mắc, các bộ phận, người học, đơn vị và cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Ban Giám hiệu.